

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 8 - 2018  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Minh D**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Bà **Trần Thị Bích N**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Huỳnh Minh D trình bày:* Về hôn nhân, vào năm 2006, ông và bà Trần Thị Bích N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, thời gian sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên ông Huỳnh Minh D yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích N. Về con chung, có 02 người tên là Huỳnh Thị Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 16/6/2007 và Huỳnh Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 16/9/2008. Ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N thỏa thuận

giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bà Trần Thị Bích N trình bày:* Về hôn nhân, bà thống nhất phần trình bày của ông Huỳnh Minh D về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể cuộc sống chung. Xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Huỳnh Minh D. Về con chung đúng là có 02 người như ông D trình bày, bà đồng ý nhận nuôi 02 người con chung, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Huỳnh Minh D yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu đã chứng minh bà Trần Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Bích N là có căn cứ. Đối với ông Huỳnh Minh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Minh D là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, ông D và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà N và ông D không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông D xác định quá trình chung sống thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, thời gian sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D yêu cầu được ly hôn, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N vẫn không tham gia tố tụng, bà N đã có ý kiến thống nhất thuận tình ly hôn với ông Huỳnh Minh D. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông D và bà N không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông D và bà N đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 02 người con chung là Huỳnh Thị Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 16/6/2007 và Huỳnh Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 16/9/2008. Ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N thỏa thuận giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa

thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa đủ 18 tuổi, thỏa thuận không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở để công nhận. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung cả hai xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung cả hai xác định là không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, ông Huỳnh Minh D phải nộp theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 9, 14, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N cụ thể như sau: Giao Huỳnh Thị Kim T(giới tính nữ), sinh ngày 16/6/2007 và Huỳnh Minh Đ(giới tính nam), sinh ngày 16/9/2008 cho bà Trần Thị Bích N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Minh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Huỳnh Minh D đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006996, ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Huỳnh Minh D và bà Trần Thị Bích N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân  
(khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Đồi**